

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2018.

V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân .

2. Bà Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm: 1984

ĐKHKT: Tổ dân phố K, thị trấn Q, huyện G, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1979

ĐKHKT và chỗ ở: Tổ 07, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố T ngày 03/5/2006. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống đến tháng 6/2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, đã nhiều lần vợ chồng bàn bạc thống nhất ly hôn nhưng vì con còn nhỏ nên cố gắng chịu đựng nhưng những mâu thuẫn không được khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 12/2015, mâu thuẫn vợ chồng trở nên đỉnh điểm, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Nay chị xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Phúc T, sinh ngày 06/9/2011. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị đang làm quản lý trường mầm non Xứ sở thần tiên tại địa chỉ phường K, quận B, thành phố Hà Nội. Thu nhập bình quân hàng tháng của chị từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ, chị có nhà ở, có thời gian để nuôi dưỡng và chăm sóc các con phát triển toàn diện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ thỏa thuận phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bà Phạm Thị L, sinh năm 1950, trú tại tổ 07, phường L, thành phố T (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Đ) trình bày:

Anh Nguyễn Văn Đ là con trai bà, có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng địa chỉ với bà. Bà đã nhận và ký vào Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, sau đó bà đã đưa cho anh Đ nhưng anh Đ không nói gì. Mâu thuẫn của vợ chồng như chị N đã trình bày, việc đoàn tụ hay ly hôn là do vợ chồng quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, về con chung của vợ chồng bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản của vợ chồng do hai người thỏa thuận phân chia, bà không có ý kiến gì.

*) Ông Trần Xuân Triều, sinh năm 1950, tổ trưởng tổ 07, phường L, thành phố T cung cấp thông tin sau:

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số tổ 07, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình, anh Đ chưa chuyển khẩu đi nơi khác, tại địa chỉ trên có bà Phạm Thị L, sinh năm 1950 (là mẹ đẻ anh Đ) sinh sống cùng anh Đ. Mâu thuẫn của chị N và anh Đ theo ông được biết là do hai người không tôn trọng nhau dẫn đến cãi chửi nhau. Việc anh Đ và chị N đoàn tụ hay ly hôn là do hai người quyết định và ai là người trực tiếp nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

+ Về con chung: Xử giao con là Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Phúc T, sinh ngày 06/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Do anh Nguyễn Văn Đ chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

+ Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ không trình bày lời khai và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Quỳnh N có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh N và anh Nguyễn Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu

thuần do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau. Đến tháng 12/2015, mâu thuẫn vợ chồng trở nên đỉnh điểm, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ là đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị N và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Phúc T, sinh ngày 06/9/2011. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con. Xét yêu cầu này của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Chị N có thu nhập ổn định, có chỗ ở, hơn nữa, các con còn nhỏ tuổi rất cần sự chăm sóc của chị N nên cần xử giao con Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Phúc T, sinh ngày 06/9/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con.

[4] Về tài sản: Do anh Nguyễn Văn Đ chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: 147; 203; 235; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao con Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Phúc T, sinh ngày 06/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Chị N và anh Đ có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai

thu tạm ứng án phí số 0006800 ngày 04/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND phường L, TP.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái